

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/05/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P5+RP1	7:25	2+1+19	0+0+0		1+1+20	0+0+0	chuyen 1 p5-rp1
2		RC6+RC5+MRM	7:25	8+7+7	0+0+0		7+7+8	0+0+0	
3		PVD3	7:25	22	0		22	0	
4		RP2+RP3	7:25	6+16	0+0		6+16	0+0	
5		P2+RP3	9:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
6		TTc1+TD5+RC4	9:25	0+5+7	0+0+0		0+10+12	0+0+0	chuyen 3 ttc1-td5
7		AMD+BK5+VSP01	9:25	9+12+1	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
8		BK20+CTK3+RP3	9:25	0+0+16	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 5 pax bk20-ctk3
9		RCDM+RC6+PVD3	11:25	15+1+5	0+0+0		6+5+11	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P7 - P5 - RP1	CREW: Hòì - XTrưởng - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÀM CHUNG	P7	24-25	2	14		74	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỒNG THÀNH	P7	26	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ QUI TOÀN	P5	74-75	2	12	10	60	KH-THAC	Vietnamese
4	TSOPANOV	RP1	44	1	10	30	95	KH-THAC	Russian
5	PHẠM ĐẠI PHONG	RP1	92-93	2	14		67	YTE	Vietnamese
6	KOROQLUEV RAMIL	RP1	56	1	7		78	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN QUỐC TUẤN	RP1	57-58	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RP1	94	1	13		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	55	1	9		91	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	96	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	99	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH HIẾU	RP1					58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	97	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TAO QUANG NGÂN	RP1	62	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM SINH	RP1	98	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	54	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG THÈ ANH	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	95	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG ĐÌNH BÀ	RP1	100	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BÀ QUY	RP1	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	3	29	149	0	1		CHUYEN 1 PAX TU P5 SANG RP1
2	P5	1	2	12	60	10	1		
3	RP1	19	17	118	1.414	30	20		
	TOTAL	22	22	159	1.623	40	22		
	WEIGHT KG			159	1.623	40			

GRAND TOAL: 1.822 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: RC6 - RC5 - MRM	CREW: TTrung - QViệt - NNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	RC6					75	D-HANH	Vietnamese
2	VU VAN TOAN	RC6					71	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANG	RC6					56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUNG	RC6					67	NIPI	Vietnamese
5	TRAN MINH THI	RC6	23	1	6		110	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC THIEN	RC6	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUONG	RC6	700	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LINH	RC6	24	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
9	LE DINH THANG	RC5	07	1	17		68	KH-THAC	Vietnamese
10	GUESEINOV	RC5	12	1	5	35	88	KH-THAC	Russian
11	BUI QUOC VIET	RC5	05	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN PHI KHAI HOAN	RC5	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	DO QUOC HUY	RC5	09	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN TRUNG	RC5	10-11	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN HUAN	RC5	06	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	ZAVGORODNIY IGOR	MRM	87	1	17		68	AMNGR	Russian
17	TSVETKOV OLEG	MRM	88	1	7		110	AMNGR	Russian
18	LA QUY DANH	MRM	91	1	6	78	63	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN THIEU BINH	MRM	85-86	2	17		64	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN DUONG	MRM	97	1	5		70	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN SY TUAN	MRM	500,83,84	3	17		70	DVL	Vietnamese
22	LUONG MANH HAI	MRM	89-90	2	17		73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	8	4	26	596	0	7		
2	RC5	7	8	52	528	35	7		
3	MRM	7	11	86	518	78	8		
	TOTAL	22	23	164	1.642	113	22		
	WEIGHT KG			164	1.642	113			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: PVD3	CREW: VThắng - Linh - PTUẤN -	ETA: 09:20
VANG-1		HIẾU	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC LE	PVD3	81	1	8	10	75	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG THE TAI	PVD3	83	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
3	BRADLEY KLUCK	PVD3	75-76	2	12	90	103	PVD - DD	Australian
4	NGUYEN VAN QUANG	PVD3	71	1	7		78	PVD OFFS	Vietnamese
5	PHAM TUAN ANH	PVD3	77	1	8		70	PVD OFFS	Vietnamese
6	NGO TUAN CUONG	PVD3	67	1	5		74	PVD OFFS	Vietnamese
7	NGUYEN VAN TIEN	PVD3	65	1	5		67	PVD OFFS	Vietnamese
8	DO VAN QUY	PVD3	73	1	4		63	PVD OFFS	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG TRUNG	PVD3	68	1	8		71	PVD OFFS	Vietnamese
10	DOAN VAN HUNG	PVD3	85	1	4		60	PVD OFFS	Vietnamese
11	PHAM VAN TRONG	PVD3	84	1	10		67	PVD OFFS	Vietnamese
12	NGUYEN SY HIEU	PVD3	66	1	7		75	PVD OFFS	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC CHIEN	PVD3	79	1	5		59	PVD OFFS	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG DOANH	PVD3	78	1	5		71	PVD OFFS	Vietnamese
15	TRAN NGOC QUY	PVD3	69	1	5		67	PVD OFFS	Vietnamese
16	DOAN VAN TUAN	PVD3	70	1	3		71	PVD OFFS	Vietnamese
17	HOANG DINH VINH	PVD3	82	1	5		75	PVD OFFS	Vietnamese
18	TRAN MANH HAI	PVD3	74	1	10		68	PVD OFFS	Vietnamese
19	DO VAN HUNG	PVD3	64	1	7		64	PVD OFFS	Vietnamese
20	TRAN DUC NGU	PVD3	80	1	7		73	PVD OFFS	Vietnamese
21	LE TAN THANH	PVD3	72	1	8		85	PVD OFFS	Vietnamese
22	VU VAN TUONG	PVD3	86-87	2	15		78	PVD-BH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD3	22	24	157	1.588	100	22		
	TOTAL	22	24	157	1.588	100	22		
	WEIGHT KG			157	1.588	100			

GRAND TOAL: 1.845 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 04	TO: RP3 - RP1	CREW: MTHANG - VTHU - TSON -	ETA: 09:25
TRANG-1		ĐANG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	RP3	41	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN SON	RP3	37	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	32	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
4	VU TAN CHAU	RP3	30	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM QUANG TRUNG	RP3	38	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VAN HOA	RP3	31	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM XUAN HOANG	RP3	39-40	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HAI	RP3	26	1	10		78	DVL	Vietnamese
9	PHAM MINH TOAN	RP3	35-36	2	15		56	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN THANH DUONG	RP3	33-34	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG VU	RP3				100	81	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN HIEN	RP3	42-43	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TIEN	RP3	45-46	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG QUANG THUONG	RP3	28	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN PHUOC LOC	RP3	27	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG XUAN HUNG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
17	VU QUANG HUNG	RP3	29	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HUA SAY	RP3	44	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN CUC	RP1	83	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN THANH CONG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
21	LE BA TUAN	RP1	84	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
22	DO DUC CUONG	RP1	82	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	21	137	1.245	100	16		
2	RP1	4	3	20	285	0	6		
	TOTAL	22	24	157	1.530	100	22		
	WEIGHT KG			157	1.530	100			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: P2 - RP3	CREW: Hanh - XTruong - DTung	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUOC KHANH	P2	32	1	7		61	PSV	Vietnamese
2	MAI VAN VINH	P2	34	1	5		65	PSV	Vietnamese
3	LE VAN VIET	P2	29	1	4		70	PSV	Vietnamese
4	TRAN TIEN BANG	P2	31	1	3		61	PSV	Vietnamese
5	LE HUU TU	P2	30	1	8		66	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN TEO	P2	28	1	6		52	PSV	Vietnamese
7	TRAN MINH THUAN	P2	33	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	VU THANH LONG	RP3	60	1	8	100	80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG VAN THUONG	RP3	58	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DOAN THANH	RP3	61	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN TRONG HAI	RP3					85	KH-THAC	Vietnamese
12	LE DUC HUY	RP3	67	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM VAN ANH	RP3	62	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN CONG	RP3	63	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TU HAI	RP3	59	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC XUAN	RP3	73	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUANG VINH	RP3	54-55	2	12		65	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN CUONG	RP3	64-65	2	17		65	DVL	Vietnamese
19	NGUYEN CAO TRUNG	RP3	57	1	10		65	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN VAN QUYEN	RP3	56	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN DE	RP3	52-53	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	7	7	38	445	0	7		
2	RP3	14	16	109	943	100	15		
	TOTAL	21	23	147	1.388	100	22		
	WEIGHT KG			147	1.388	100			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: TTC1 - TD5 - RC4	CREW: TTrung - QViệt - NNam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN HUAN	TD5	92	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN THANH HUY	TD5	90	1	10	70	70	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN DANH TRUNG	TD5	91	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
4	PHAN VAN HOC	TD5	93	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM HONG VU	TD5	60,85	2	17		50	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG MINH	RC4	86	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN TUNG	RC4	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG MINH DUNG	RC4	84	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG XUAN THAI	RC4	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN THUY	RC4	77-78	2	12	50	60	T-TIN	Vietnamese
11	NGUYEN VIET TU	RC4	75-76	2	17		80	T-TIN	Vietnamese
12	MAI VAN TUONG	RC4	83	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	0	0	0	0	40	0+3		CHUYEN 3 PAX TTC1 SANG TD5
2	TD5	5	6	59	312	70	10		
3	RC4	7	9	52	482	50	12		
TOTAL		12	15	111	794	160	22		
WEIGHT KG				111	794	160			

GRAND TOAL: 1.065 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: AMD - BK5 - VSP01	CREW: VThắng - Linh - PTUẤN - HIẾU	ETA: 11:30
VANG-2			08:30

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH	AMD	11	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VIỆT BÌNH	AMD	09	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	14	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HUYNH CƯỜNG	AMD	10,15	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN GIANG	AMD	12-13	2	20		71	CODIEN	Vietnamese
6	HÀ VĂN TRƯỜNG	AMD	06	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG DŨNG	AMD	07	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH LONG	AMD	08	1	6		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒ QUANG	AMD	05	1	6		59	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ NGỌC TÂM	BK5	29	1	10		87	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN THĂNG	BK5	26	1	10	10	65	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	BK5	28	1	8		73	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ ANH NGỌC	BK5	32-33	2	17		54	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯƠNG XUÂN QUANG	BK5	02	1	18		57	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HẬU HAI	BK5	15-16	2	14		59	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN BAY	BK5	17-18	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG HUY	BK5	34-35	2	18		51	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ THAI ANH	BK5	30-31	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
19	DUƠNG VĂN TUẤN	BK5	12	1	11	16	63	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM NGỌC ĐIỀU	BK5	27	1	11		79	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TIỀN	BK5	10	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐẶNG KHẮC DƯƠNG	VSP01	51-52	2	11		76	D-HANH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	9	11	99	591	0	7		
2	BK5	12	17	159	776	26	9		
3	VSP01	1	2	11	76	0	6		
	TOTAL	22	30	269	1.443	26	22		
	WEIGHT KG			269	1.443	26			

GRAND TOAL: 1.738 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 08	TO: BK20 - CTK3 - RP3	CREW: MTHANG - VTHU - TSON -	ETA: 11:35
TRANG-2		ĐANG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG MINH HOANG	RP3	50	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN ĐỨC CHUNG	RP3	56-57	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ QUỐC HƯƠNG	RP3	54	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUYÊN	RP3	64	1	10	20	70	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG SY CHIÊN	RP3	53	1	14		69	XAYLAP	Vietnamese
6	LUONG VAN VIET	RP3	71-72	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
7	KIM VAN TINH	RP3	69-70	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐINH QUANG THAI	RP3	67	1	8	15	72	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RP3	55	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN VĂN ĐỨC	RP3	51-52	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN SĨ HAI	RP3	66	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ CÔNG NAM	RP3	49	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ TRỌNG TUÂN	RP3	63	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN SƠN	RP3	61	1	10	15	57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH KHOAN	RP3	60	1	8		58	NIPI	Vietnamese
16	LUONG MINH KHUÊ	RP3	58-59	2	17		55	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	0	0	0	0	0	0	5	CHUYEN 5 PAX BK20 SANG CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	0	0		
3	RP3	16	21	206	1.040	50	22		
TOTAL		16	21	206	1.040	50	22		
WEIGHT KG				206	1.040	50			

GRAND TOTAL: 1.296 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/05/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	TO: RCDM - RC6 - PVD3	CREW: Hạnh - Mạnh - Toan	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BAO TOAN	RCDM	31	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	40,42	2	10	13	70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TI	RCDM					66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VAN CONG	RCDM	43	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO ĐAC TOAN	RCDM	32	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN KHAC HONG	RCDM	29	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH TUAN	RCDM	30	1	12		77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM XUAN TRUONG	RCDM	34	1	12		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUOC DAI	RCDM	35-36	2	16		85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TAN PHONG	RCDM	37	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN QUOC KHOI	RCDM	38	1	15		73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH TRUNG	RCDM	39	1	15	35	73	KH-THAC	Vietnamese
13	NIKITIN D.	RCDM	33	1	5		90	KH-THAC	Russian
14	PHAM HOANG LONG	RCDM	25-26	2	17		79	NIPI	Vietnamese
15	HO TRONG BANG	RCDM	27-28	2	15		78	PSV	Vietnamese
16	KUSHENKO**	RCDM	46	1	7		75	KH-THAC	RUS
17	KIEU MINH QUYET	RC6	85	1	5	20	65	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN KHANH	PVD3	98	1	6		60	PSV	Vietnamese
19	TRAN HUU CHUONG	PVD3	53	1	8		72	PSV	Vietnamese
20	PHAM HUYNH TRUNG HIEU	PVD3	54	1	7	13	65	PSV	Vietnamese
21	PHAM THANH ĐAO	PVD3	51-52	2	12		58	PVD TECH	Vietnamese
22	PHAM HOAI THANH	PVD3	49-50	2	10	15	77	PVD TECH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	16	19	167	1.196	48	6		
2	RC6	1	1	5	65	20	5		
3	PVD3	5	7	43	332	28	11		
TOTAL		22	27	215	1.593	96	22		
WEIGHT KG				215	1.593	96			

GRAND TOAL: 1.904 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN